

日營-CS 10-13 Y 摩士公園體育館

請入選者於**2026年6月23日**或之前完成轉帳並填寫指定表格提交轉帳記錄

入選號碼	參加者姓名(中文)	參加者姓名(英文)
CS10-13Y-S001	陳厚	Chan Hau
CS10-13Y-S002	陳日	Chan Sun
CS10-13Y-S003	張蔚茵	Chang Wai Yan
CS10-13Y-S004	陳思允	Chen Sze Wan Kylie
CS10-13Y-S005	趙詣琛	Chiu Ngai Sum
CS10-13Y-S006	趙崇康	Chiu Sung Hong
CS10-13Y-S007	霍駿霆	Fok Chun Ting, Kobe
CS10-13Y-S008	何竣旌	Ho Chun Sang
CS10-13Y-S009	何劭叢	Ho Hong Yui
CS10-13Y-S010	喬子峰	Kiu Tsz Fung Jaden
CS10-13Y-S011	季樂楓	Kwai Lok Fung Jerry
CS10-13Y-S012	郭朗曦	Kwok Long Hei
CS10-13Y-S013	黎哲睿	Lai Chit Yui
CS10-13Y-S014	黎臻	Lai Chun
CS10-13Y-S015	林柏燊	Lam Pak San Parkson
CS10-13Y-S016	林貝熹	Lam Pui Hay Kate
CS10-13Y-S017	林子瀚	Lam Tsz Hon
CS10-13Y-S018	李諾仁	Lee Lol Yan Everley
CS10-13Y-S019	陳卓澧	Leon Chan
CS10-13Y-S020	梁凱雯	Leung Hoi Man Grace
CS10-13Y-S021	梁添楠	Leung Tim Nam
CS10-13Y-S022	吳卓霖	Ng Cheuk Lam
CS10-13Y-S023	吳皓軒	Ng Ho Hin
CS10-13Y-S024	龐家名	Pong Ka Ming
CS10-13Y-S025	孫博曦	Suen Pok Hei
CS10-13Y-S026	戴展域	Tai Chin Vik
CS10-13Y-S027	鄧諾晉	Tang Nok Chun
CS10-13Y-S028	黃易辰	Wong Yee Sun
CS10-13Y-S029	葉品佑	Yip Ban Yau
CS10-13Y-S030	姚逸熙	Yiu Yat Hei Ronnie